

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Về việc ban hành Quy chế cho vay có bảo
đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của Ngân hàng
Nhà nước Việt Nam đối với các ngân hàng
THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 và Luật Tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ và cơ quan ngang Bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các ngân hàng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quy chế tái cấp vốn theo hình thức cầm cố giấy tờ có giá ngắn hạn của Ngân hàng Nhà nước đối với các ngân hàng ban hành theo Quyết định số 251/2001/QĐ-NHNN ngày 30/3/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 3. Dư nợ tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các ngân hàng đến ngày Quyết định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo các điều khoản đã ký kết trên khế ước nhận nợ cho tới khi Ngân hàng Nhà nước thu hết nợ.

Điều 4. Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng, Vụ trưởng Vụ kế toán - Tài chính, Giám đốc Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Chánh Thanh tra, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Chi nhánh Ngân

hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các ngân hàng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Quy chế

Cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các ngân hàng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1452/2003/QĐ-NHNN
ngày 03 tháng 11 năm 2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

I. Những quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc tái cấp vốn bằng đồng Việt Nam của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các ngân hàng dưới hình thức cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá nhằm cung ứng vốn ngắn hạn và phương tiện thanh toán cho các ngân hàng.

Điều 2. Đối tượng được vay

Các ngân hàng được vay theo quy định tại Quy chế này là các ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng (gọi tắt là ngân hàng), bao gồm:

1. Ngân hàng thương mại;
2. Ngân hàng phát triển;
3. Ngân hàng đầu tư;
4. Ngân hàng chính sách;
5. Ngân hàng hợp tác;
6. Ngân hàng liên doanh;
7. Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài;
8. Các loại hình ngân hàng khác được thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Giấy tờ có giá ngắn hạn là giấy tờ có giá có thời hạn dưới một năm
2. Giấy tờ có giá dài hạn là giấy tờ có giá có thời hạn từ một năm trở lên kể từ khi phát hành đến khi đến hạn.
3. Cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá (sau đây gọi tắt là cho vay cầm cố) là hình thức cho vay của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với ngân hàng xin vay trên cơ sở cầm cố các giấy tờ có giá để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ.
4. Hạn mức cho vay cầm cố là tổng số tiền tối đa mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có thể cho vay cầm cố trong quý hoặc năm.
5. Lãi suất cho vay cầm cố là lãi suất tái cấp vốn được dùng để tính và thu lãi trên số nợ gốc thực tế khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho vay cầm cố.

Điều 4. Nguyên tắc cho vay cầm cố

Cho vay cầm cố của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải đảm bảo thực hiện theo các nguyên tắc sau:

1. Cấp tín dụng có bảo đảm;
2. Cung ứng nhu cầu vốn ngắn hạn và phương tiện thanh toán cho các ngân hàng;
3. Hoàn trả nợ gốc và lãi tiền vay đúng thời hạn.

Điều 5. Điều kiện cho vay cầm cố

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét và quyết định cho vay cầm cố khi ngân hàng có đủ các điều kiện sau đây:

1. Là các ngân hàng quy định tại Điều 2 Quy chế này;
2. Không bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt;
3. Có Đơn xin vay;
4. Không có dư nợ quá hạn tại Ngân hàng nhà nước Việt Nam;
5. Thực hiện các quy định về bảo đảm tiền vay theo Quy chế này.

Điều 6. Lãi suất cho vay cầm cố

1. Lãi suất cho vay cầm cố do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định và điều chỉnh phù hợp với mục tiêu của chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ.
2. Trường hợp khoản vay bị quá hạn do ngân hàng xin vay không có nguồn trả nợ khi đến hạn thanh toán, thì chuyển sang nợ quá hạn và phải áp dụng lãi suất phạt

quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay cầm cố trong từng thời kỳ.

II. Quy định cụ thể

Điều 7. Tài sản cầm cố

Tài sản cầm cố bao gồm:

1. Tín phiếu Kho bạc Nhà nước;
2. Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước;
3. Công trái;
4. Trái phiếu Kho bạc;
5. Trái phiếu Chính phủ do Bộ Tài chính phát hành;
6. Các giấy tờ có giá khác được sử dụng làm tài sản cầm cố do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định trong từng thời kỳ.

Điều 8. Điều kiện chấp nhận đối với tài sản cầm cố

Giấy tờ có giá được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp nhận làm tài sản cầm cố khi có đủ các điều kiện sau:

1. Ngân hàng xin vay là người thụ hưởng (đối với giấy tờ có giá ghi danh), hoặc là người nắm giữ hợp pháp (đối với giấy tờ có giá vô danh);
2. Giấy tờ có giá quy định tại Điều 7 Quy chế này;
3. Được cầm cố, được thanh toán cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với tư cách là người thứ ba theo quy định của pháp luật và cam kết của người thụ hưởng;
4. Trường hợp giấy tờ có giá được phát hành dưới hình thức ghi sổ phải có xác nhận và bảo đảm của tổ chức có trách nhiệm thanh toán đối với giấy tờ có giá đó về việc sẽ thanh toán cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi ngân hàng xin vay (người thụ hưởng) không trả được nợ;
5. Trường hợp là giấy tờ có giá dài hạn thì thời hạn thanh toán còn lại của giấy tờ có giá đó tối đa đến 2 năm.

Điều 9. Hồ sơ đề nghị cho vay cầm cố

Khi có nhu cầu vay vốn, ngân hàng xin vay gửi tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hồ sơ đề nghị cho vay cầm cố, bao gồm: